

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT	03 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	04 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty 6 tháng đầu năm 2012 kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0303141296 ngày 01 tháng 04 năm 2011.

Lĩnh vực Kinh doanh

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 01 tháng 04 năm 2011 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

QUY MÔ VỐN ĐẦU TƯ

Công ty liên doanh, liên kết	Vốn đầu tư	Tỷ lệ
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	68.000.000.000 VND	45,33%
Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	11.319.500.000 VND	20,00%
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	30.000.000.000 VND	25,00%

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2012 là 20.441.871.836 VND

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 là 148.960.823.342 VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Thanh Thuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông Lê Văn Chung	Thành viên
Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Văn San	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn San	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Chung	P.Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Nam	P.Tổng Giám đốc
Ông Lê Đình Lịch	P.Tổng Giám đốc
Ông Đinh Hoài Ân	Giám đốc Tài chính
Ông Lê Xuân Định	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trương Công Khánh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Bà Lê Thị Ngọc An	Ủy viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2012 của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I phê duyệt báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2012 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 08 năm 2012

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



Lê Thanh Thuận

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn San

Số: 49/BCKT/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia LD.I

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Đa Quốc Gia LD.I**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia LD.I được lập ngày 01/08/2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2012 kết thúc cùng ngày kèm theo được trình bày từ trang 04 đến trang 30.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, Chúng tôi không thấy có sự kiện trọng yếu nào để Chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống kiểm toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2012

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



Lê Văn Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Chứng chỉ KTV số: 1091/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		918.772.005.586	915.166.966.024
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01.	23.915.373.001	152.636.356.786
1. Tiền	111		23.915.373.001	67.940.532.301
2. Các khoản tương đương tiền	112			84.695.824.485
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02.		52.903.927.784
1. Đầu tư ngắn hạn	121			53.168.839.143
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			(264.911.359)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		588.714.492.047	467.194.849.662
1. Phải thu khách hàng	131		431.640.044.478	325.932.859.250
2. Trả trước cho người bán	132		48.497.885.584	28.503.780.980
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03.	128.456.313.861	132.637.961.308
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(19.879.751.876)	(19.879.751.876)
IV. Hàng tồn kho	140		295.925.442.587	237.524.182.550
1. Hàng tồn kho	141	V.04.	295.925.442.587	237.524.182.550
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.216.697.951	4.907.649.242
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.388.482.465	569.420.617
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05.	8.828.215.486	4.338.228.625

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		536.677.395.190	548.142.071.555
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		420.122.019.342	431.738.971.137
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06.	290.521.402.440	302.627.335.735
- Nguyên giá	222		334.783.257.741	334.679.823.478
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(44.261.855.301)	(32.052.487.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07.	6.635.055.444	7.138.983.696
- Nguyên giá	225		10.078.565.166	10.078.565.166
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(3.443.509.722)	(2.939.581.470)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08.	56.720.290.872	56.671.348.576
- Nguyên giá	228		56.745.216.106	56.681.716.106
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(24.925.234)	(10.367.530)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09.	66.245.270.586	65.301.303.130
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10.	105.416.414.750	104.848.259.681
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		109.319.500.000	109.219.500.000
3. Đầu tư dài hạn khác (*)	258			
	259		(3.903.085.250)	(4.371.240.319)
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.138.961.098	11.554.840.737
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	1.604.011.098	2.019.890.737
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		9.534.950.000	9.534.950.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.455.449.400.776	1.463.309.037.579

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		893.547.848.504	917.380.398.589
I. Nợ ngắn hạn	310		844.256.436.901	851.035.604.922
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12.	567.422.277.756	645.158.420.819
2. Phải trả người bán	312		217.659.340.204	135.460.172.880
3. Người mua trả tiền trước	313		28.492.665.543	17.821.479.295
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13.	7.074.521.376	4.316.943.595
5. Phải trả người lao động	315		6.193.230.945	5.226.226.706
6. Chi phí phải trả	316		888.214.526	2.657.731.004
7. Phải trả nội bộ	317			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	13.288.235.281	33.967.201.058
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.237.951.270	6.427.429.565
II. Nợ dài hạn	330		49.291.411.603	66.344.793.667
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	49.291.411.603	66.344.793.667
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		561.901.552.272	545.928.638.990
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	561.901.552.272	545.928.638.990
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		17.668.800.000	17.668.800.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			5.684.612.005
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.635.964.465	7.635.964.465
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.635.964.465	7.635.964.465
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		148.960.823.342	127.303.298.055
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.455.449.400.776	1.463.309.037.579

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		762.838,40	168.768,31
- Euro (EUR)		1.949,27	889,73
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 08 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Trần Phước Minh



Lê Xuân Định



Nguyễn Văn San

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

06 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17.	594.483.374.163	468.874.167.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.18.	4.927.105.600	2.232.000.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.19.	589.556.268.563	466.642.167.597
4. Giá vốn hàng bán	11	V.20.	490.043.461.638	337.915.690.942
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		99.512.806.925	128.726.476.655
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.21.	3.999.013.360	27.571.731.671
7. Chi phí tài chính	22	V.22.	47.015.541.989	57.251.067.351
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.859.788.280	41.292.000.956
8. Chi phí bán hàng	24		31.874.260.120	32.924.404.222
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.625.382.921	6.660.983.207
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.996.635.255	59.461.753.546
11. Thu nhập khác	31		2.928.905.932	3.965.961.636
12. Chi phí khác	32		953.822.382	1.364.744.828
13. Lợi nhuận khác	40		1.975.083.550	2.601.216.808
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.971.718.805	62.062.970.354
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.23	(470.153.031)	3.739.414.290
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.441.871.836	58.323.556.064
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	V.24	538	1.535

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 08 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trần Phước Minh

Lê Xuân Định

Nguyễn Văn San



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		820.658.361.003	412.893.391.322
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(455.181.998.887)	(737.050.051.874)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(35.183.818.970)	(24.342.075.594)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(40.748.589.869)	(39.279.503.980)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			(3.083.033.914)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.586.002.260.063	1.507.632.806.061
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.909.042.552.022)	(1.247.287.009.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(33.496.338.682)	(130.515.477.495)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			(6.988.836.850)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.	25		(100.000.000)	(20.501.389.276)
6. Tiền thu hồi đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		966.075.189	562.822.380
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		866.075.189	(26.927.403.746)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			36.692.669.788
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		667.314.211.177	715.922.362.336
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(762.766.633.595)	(626.846.364.084)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(638.297.874)	(358.912.646)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(161.737.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(96.090.720.292)	125.248.017.894
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(128.720.983.785)	(32.194.863.347)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		152.636.356.786	51.070.326.051
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		23.915.373.001	18.875.462.704

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 08 năm 2012

Tổng Giám Đốc

Trần Phước Minh

Lê Xuân Định

Nguyễn Văn San

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0303141296 ngày 01 tháng 04 năm 2011.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 01 tháng 04 năm 2011 là 380.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh

Lĩnh vực kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày :	31/12/2011	: 20.828
	30/06/2012	: 20.828

Vào thời điểm cuối năm/ kỳ tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch vào thời điểm cuối năm/kỳ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận như sau:

- Tại ngày 30/06/2012, Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10), tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm/kỳ.

- Tại ngày 31/12/2011, Công ty áp dụng theo Thông tư 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán treo trên bảng cân đối kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định có định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cài tiến và tân trang được chuyển hóa thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khóa sổ và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trễ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000002 ngày 08 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 51121000003 ngày 24 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống" với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo,

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY

Đơn vị tính: VND

V.01 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
TIỀN	23.915.373.001	67.940.532.301
a. Tiền mặt	147.386.242	273.901.035
- Tiền mặt VND	76.975.301	131.314.348
- Tiền mặt ngoại tệ	70.410.941	142.586.687
b. Tiền gửi ngân hàng	23.767.986.759	67.666.631.266
- Tiền gửi VND	8.191.476.167	64.563.088.842
- Tiền gửi USD	15.570.952.123	3.097.841.992
- Tiền gửi EUR	5.558.469	5.700.432
c. Tiền đang chuyển		-
CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		84.695.824.485
Tiền gửi có kỳ hạn		84.695.824.485
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - An Giang		21.000.000.000
- Ngân hàng Công thương CN1 - TP. HCM		63.695.824.485
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	23.915.373.001	152.636.356.786

V.02 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
2.1. Đầu tư ngắn hạn				53.168.839.143
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn			982.380	22.171.985.359
- Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang			982.380	22.171.985.359
Đầu tư ngắn hạn khác				30.996.853.784
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Vietinbank - CN TP.HCM				30.996.853.784
2.2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn				(264.911.359)
- Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu ASM				(264.911.359)
Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				52.903.927.784

V.03 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

- Bảo hiểm xã hội nộp thừa
- Phải thu về cổ phần khác
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia
- Phải thu khác
 - + Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang
 - + Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính
 - + Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản
 - + Công ty CP ĐTTC và truyền thông Quốc Tế
 - + Ban Quản lý dự án huyện Lấp Vò
 - + Đối tượng khác

Cộng phải thu ngắn hạn khác

30/06/2012	01/01/2012
11.667.223	
128.444.646.638	132.637.961.308
6.728.138.730	12.923.143.400
25.011.372.222	25.011.372.222
38.927.004.111	38.927.004.111
4.000.000.000	9.697.593.000
53.534.227.500	45.835.763.500
243.904.075	243.085.075
128.456.313.861	132.637.961.308

V.04 HÀNG TỒN KHO

- Hàng mua đang đi đường
- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang
- Thành phẩm
- Hàng hóa
- Hàng gửi đi bán
- Hàng hóa kho bảo thuế
- Hàng hóa bất động sản

Cộng giá gốc hàng tồn kho

30/06/2012	01/01/2012
440.000	835.979.530
12.059.964.114	2.725.088.100
378.529.762	387.192.970
44.066.980.228	72.197.436.164
120.824.016.869	147.303.832.300
111.649.980.000	11.809.500.000
6.945.531.614	2.265.153.486
295.925.442.587	237.524.182.550

V.05 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

- Tài sản thiếu chờ xử lý
- Tạm ứng
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

Cộng tài sản ngắn hạn khác

30/06/2012	01/01/2012
91.385.928	91.385.928
8.736.829.558	4.246.842.697
8.828.215.486	4.338.228.625

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ : Quốc lộ 80, CCN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
06 tháng đầu năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

V.06. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HỖI

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	88.074.653.536	237.536.885.992	4.882.129.959	1.502.035.839	2.684.118.152	334.679.823.478
Số tăng trong kỳ		10.908.000		14.090.909	78.435.354	103.434.263
- Mua trong kỳ		10.908.000		14.090.909	78.435.354	103.434.263
- Đầu tư XD CB hoàn thành						
- Tăng khác						
Số giảm trong kỳ						
Bao gồm:						
- Thanh lý						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	88.074.653.536	237.547.793.992	4.882.129.959	1.516.126.748	2.762.553.506	334.783.257.741
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.560.996.746	27.259.107.250	1.954.020.398	568.796.848	709.566.501	32.052.487.743
Số tăng trong kỳ	1.177.664.538	10.368.431.566	288.404.358	136.821.738	238.045.358	12.209.367.558
- Khấu hao trong kỳ	1.177.664.538	10.368.431.566	288.404.358	136.821.738	238.045.358	12.209.367.558
- Tăng khác						
Số giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	2.738.661.284	37.627.538.816	2.242.424.756	705.618.586	947.611.859	44.261.855.301
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	86.513.656.790	210.277.778.742	2.928.109.561	933.238.991	1.974.551.651	302.627.335.735
Tại ngày cuối kỳ	85.335.992.252	199.920.255.176	2.639.705.203	810.508.162	1.814.941.647	290.521.402.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

V.07. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ			10.078.565.166			10.078.565.166
Số tăng trong kỳ						
- Mua trong kỳ						
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
Số giảm trong kỳ						
Bao gồm:						
- Thanh lý						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ			10.078.565.166			10.078.565.166
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ			2.939.581.470			2.939.581.470
Số tăng trong kỳ			503.928.252			503.928.252
- Khấu hao trong kỳ			503.928.252			503.928.252
- Tăng khác						
Số giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ			3.443.509.722			3.443.509.722
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ			7.138.983.696			7.138.983.696
Tại ngày cuối kỳ			6.635.055.444			6.635.055.444



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

06 tháng đầu năm 2012

V.08. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND				
Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	56.681.716.106			56.681.716.106
Số tăng trong kỳ			63.500.000	63.500.000
- Mua trong kỳ			63.500.000	63.500.000
- Tạo ra từ nội bộ DN				
- Tặng khác				
Số giảm trong kỳ				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	56.681.716.106		63.500.000	56.745.216.106
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	10.367.530			10.367.530
Số tăng trong kỳ	12.441.036		2.116.668	14.557.704
- Khấu hao trong kỳ	12.441.036		2.116.668	14.557.704
- Tăng khác				
Số giảm trong kỳ				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
Số dư cuối kỳ	22.808.566		2.116.668	24.925.234
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	56.671.348.576			56.671.348.576
Tại ngày cuối kỳ	56.658.907.540		61.383.332	56.720.290.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

V.09. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2012	01/01/2012
- Xây dựng cơ bản dở dang:	46.213.770.588	45.269.803.132
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	25.317.881.400	25.317.881.400
+ Hạ tầng khu tái định cư	8.427.457.269	8.427.457.269
+ Trạm dừng chân-bến xe Lấp Vò	90.318.182	
+ Nhà máy đông lạnh	9.642.248.611	9.642.248.611
+ Nhà Điều hành Cty IDI		36.785.780
+ Khu liên hợp Công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI	454.545.455	454.545.455
+ Trung tâm thương mại H.Lấp Vò	1.390.884.617	1.390.884.617
+ Dây chuyền tinh luyện dầu cá	656.948.054	
+ Nhà máy tinh luyện dầu cá	233.487.000	
- Mua sắm tài sản cố định	20.031.499.998	20.031.499.998
Cộng Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	66.245.270.586	65.301.303.130

V.10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ	30/06/2012	01/01/2012
Đầu tư và công ty con			
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		109.319.500.000	109.219.500.000
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản	45,33%	68.000.000.000	68.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	20%	11.319.500.000	11.219.500.000
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	25%	30.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác			
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.903.085.250)	(4.371.240.319)
- Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản		(1.630.387.302)	(2.580.864.576)
- Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á		(2.272.697.948)	(1.790.375.743)
Cộng		105.416.414.750	104.848.259.681

V.11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
- Công cụ, dụng cụ bộ phận sản xuất	1.587.855.168	2.003.734.807
- Công cụ dụng cụ khác	16.155.930	16.155.930
Cộng chi phí trả trước dài hạn	1.604.011.098	2.019.890.737

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

V.12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
- Vay ngắn hạn	567.422.277.756	645.158.420.819
Vay ngân hàng		
+ Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN An Giang	4.620.066.960	17.932.186.000
+ Viettinbank CN 1, TP HCM		80.942.000.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - An Giang	26.868.120.000	25.982.947.000
+ Ngân hàng Vietcombank - CN An Giang	287.331.267.295	299.061.595.910
+ Ngân hàng Đại Á TP.HCM	39.364.920.000	38.986.920.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN An Giang	98.918.811.469	98.801.365.409
+ Sacombank CN An Giang		16.502.400.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội CN An Giang	20.203.160.000	20.009.160.000
+ CN Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Kiên Giang	39.793.331.132	44.976.846.500
+ Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Thanh Xuân		1.963.000.000
+ Cty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NH Á Châu	50.322.600.900	
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng Vay và nợ ngắn hạn	567.422.277.756	645.158.420.819

V.13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	30/06/2012	01/01/2012
- Thuế giá trị gia tăng	7.624.235.686	3.489.537.764
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(739.281.662)	710.346.571
- Thuế thu nhập cá nhân	189.567.352	117.059.260
Cộng thuế và các khoản phải nộp nhà nước	7.074.521.376	4.316.943.595

V.14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
- Tài sản thừa chờ giải quyết	205.559.187	120.970.593
- Kinh phí công đoàn	96.348.630	75.618.142
- Bảo hiểm xã hội		(38.891.680)
- Bảo hiểm y tế		67.913.303
- Bảo hiểm thất nghiệp		30.183.690
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.425.000.000	7.785.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.561.327.464	25.926.407.010
+ Cổ tức phải trả	387.350.000	387.350.000
+ Công ty CP CK Tấn Việt		10.970.188.234
+ Phải trả khác	8.173.977.464	14.568.868.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Cộng	13.288.235.281	33.967.201.058
V.15. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN		
	<i>30/06/2012</i>	<i>01/01/2012</i>
Vay dài hạn	48.619.401.004	65.064.281.854
- Vay ngân hàng Công thương - CN 1 Tp. HCM		8.776.620.690
- Vay ngân hàng Ngoại thương chi nhánh An Giang	10.873.481.364	13.673.481.364
- Vay ngân hàng TMCP Sài Gòn chi nhánh An Giang	37.745.919.640	42.614.179.800
Nợ dài hạn	672.010.599	1.280.511.813
- Cty Thuê Tài chính Ngân hàng Vietcombank Tp.HCM	672.010.599	1.280.511.813
Cộng	49.291.411.603	66.344.793.667



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

V.16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	380.000.000.000	17.668.800.000	3.145.403.445	3.053.860.660	3.053.860.660	101.440.506.046	508.362.430.811
Tăng vốn trong năm trước							-
Lãi trong năm trước						39.609.103.424	39.609.103.424
Chia cổ tức						-	-
Trích lập các quỹ				4.582.103.805	4.582.103.805	(13.746.311.415)	(4.582.103.805)
Thu lao HĐQT						-	-
Tăng khác			5.684.612.005			5.684.612.005	5.684.612.005
Giảm vốn trong năm trước						-	-
Lỗ trong năm trước						-	-
Giảm khác			(3.145.403.445)			(3.145.403.445)	(3.145.403.445)
Số dư cuối năm trước	380.000.000.000	17.668.800.000	5.684.612.005	7.635.964.465	7.635.964.465	127.303.298.055	545.928.638.990
Tăng vốn trong kỳ							
Lãi trong kỳ						20.441.871.836	20.441.871.836
Chia cổ tức							
Trích lập các quỹ							
Thu lao HĐQT							
Tăng khác			58.234.605			1.215.653.451	1.273.888.056
Giảm khác			(5.742.846.610)			(5.742.846.610)	(5.742.846.610)
Số dư cuối kỳ	380.000.000.000	17.668.800.000	-	7.635.964.465	7.635.964.465	148.960.823.342	561.901.552.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

V.16. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>%</u>	<u>Đầu kỳ</u>	<u>%</u>
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các cổ đông	380.000.000.000	100%	380.000.000.000	100%
Cộng	380.000.000.000	100%	380.000.000.000	100%

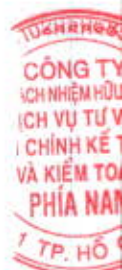
V.16. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Đầu kỳ</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+Vốn góp đầu kỳ	380.000.000.000	380.000.000.000
+Vốn góp tăng trong kỳ	-	
+Vốn góp giảm trong kỳ	-	
+Vốn góp cuối năm	380.000.000.000	380.000.000.000
-Cổ tức, lợi nhuận đã chia	38.000.000.000	-

V.16. d) Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

V.16. e) Các quỹ của công ty:

	30/06/2012	01/01/2012
- Quỹ đầu tư phát triển	7.635.964.465	7.635.964.465
- Quỹ dự phòng tài chính	7.635.964.465	7.635.964.465
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
Cộng các quỹ công ty:	15.271.928.930	15.271.928.930

V.17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	586.272.958.763	451.652.854.790
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.750.029.037	15.887.910.807
Doanh thu bất động sản đầu tư	460.386.363	1.333.402.000
Cộng doanh thu:	594.483.374.163	468.874.167.597

V.18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
Giảm giá hàng bán	3.261.400.000	
Hàng bán bị trả lại	1.665.705.600	2.232.000.000
Cộng các khoản giảm trừ doanh thu:	4.927.105.600	2.232.000.000

V.19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	581.997.153.163	449.420.854.790
Doanh thu thuần dịch vụ	7.750.029.037	15.887.910.807
Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	(190.913.637)	1.333.402.000
Cộng doanh thu thuần:	589.556.268.563	466.642.167.597

V.20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	490.043.461.638	336.415.690.942
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		1.500.000.000
Cộng	490.043.461.638	337.915.690.942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

V.21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	966.075.189	1.370.708.086
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		35.090
- Lãi chênh lệch tỷ giá	2.382.467.818	26.156.273.495
- Lãi bán hàng trả chậm	377.155.949	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	273.314.404	44.715.000
Cộng	3.999.013.360	27.571.731.671

V.22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
- Lãi tiền vay	38.859.788.280	41.292.000.956
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.416.564.199	15.792.207.862
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	823.705.105	
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(468.155.069)	
- Chi phí tài chính khác	5.383.639.474	166.858.533
Cộng	47.015.541.989	57.251.067.351

V.23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.609.108.649	5.629.698.027
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(2.079.261.680)	(1.890.283.737)
Cộng	(470.153.031)	3.739.414.290

V.24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	20.441.871.836	58.323.556.064
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	538	1.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

V.25. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ	Đơn vị tính: VND	
	06 tháng đầu năm 2012	06 tháng đầu năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	390.672.411.615	333.281.092.167
Chi phí nhân công	24.873.584.882	17.098.903.224
Chi phí khấu hao tài	11.726.996.550	6.791.540.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.393.101.623	5.773.374.587
Chi phí khác bằng tiền	1.625.972.863	2.049.498.888
Cộng	436.292.067.533	364.994.409.860

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. ÁP DỤNG QUY ĐỊNH KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ V.5 đến V.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Công ty góp vốn
Cty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết
Cty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	Công ty liên kết
Cty CP ĐT TC và Truyền thông Quốc tế	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	- Bán cá thành phẩm	388.692.531.004
	- Nhận ủy thác xuất khẩu	786.500.000
	- Mua thức ăn cho cá	31.398.707.970
Công ty CP ĐT Địa ốc và Khoáng sản Châu Á	- Góp vốn	100.000.000
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Bán sản phẩm phụ từ cá	63.845.770.450
	- Mua bột cá	10.698.896.880

Cho đến ngày 30/06/2012, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền (VND)
Cty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Phải thu tiền đất	16.249.564.000
	Phải thu tiền bán cá thành phẩm	198.910.202.082
Cty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	Phải thu tiền xây dựng hạ tầng nhà máy phụ phẩm	7.832.995.238
	Phải thu tiền bán phụ phẩm	8.152.770.000
	Phải thu tiền cho mượn	38.927.004.111
Cty CP ĐTTC và Truyền thông Quốc tế	Phải thu tiền cho mượn	4.000.000.000
Cty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	Phải thu tiền cho mượn	25.011.372.222

3. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Tại ngày 30/06/2012, Công ty có trụ sở tại Tỉnh Đồng Tháp và không có chi nhánh. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là mua bán chế biến thủy hải sản.

4. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất làm trụ sở hoạt động chính tại QL 80, cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp với thời hạn thuê đất là 50 năm.

5. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.915.373.001	152.636.356.786	23.915.373.001	152.636.356.786
Phải thu khách hàng	411.760.292.602	306.053.107.374	411.760.292.602	306.053.107.374
Các khoản phải thu khác	137.284.529.347	136.976.189.933	137.284.529.347	136.976.189.933
Cộng	572.960.194.950	595.665.654.093	572.960.194.950	595.665.654.093
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	616.713.689.359	711.503.214.486	616.713.689.359	711.503.214.486
Phải trả cho người bán	217.659.340.204	135.460.172.880	217.659.340.204	135.460.172.880
Chi phí phải trả	888.214.526	2.657.731.004	888.214.526	2.657.731.004
Các khoản phải trả khác	13.288.235.281	33.967.201.058	13.288.235.281	33.967.201.058
Cộng	848.549.479.370	883.588.319.428	848.549.479.370	883.588.319.428

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

6. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. RỦI RO THANH TOÁN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	567.422.277.756	49.291.411.603		616.713.689.359
Phải trả cho người bán	217.659.340.204			217.659.340.204
Chi phí phải trả	888.214.526			888.214.526
Các khoản phải trả khác	13.288.235.281			13.288.235.281
Cộng	799.258.067.767	49.291.411.603	-	848.549.479.370

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 kết thúc ngày 31/12/2011 và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2011 kết thúc ngày 30/06/2011, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay (nếu có sự phân loại lại).

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 08 năm 2012

mmmm

Trần Phước Minh

Maulana

Lê Xuân Định

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA
I.D.I**

Nguyễn Văn Sa